TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1114/2024/HS-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 813/2024/TLPT-HS ngày 25/7/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thùy T do bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười – Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Thùy T, sinh ngày 15/7/1986 tại An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nguyên kế toán Ủy ban nhân dân xã H, huyện C; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng đoàn: Là đảng viên Đ2 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; con ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị Ú; có chồng là Nguyễn Hoàng C1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Quốc K - Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; có mặt.

- Bị hại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang có: Ông Phương Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

(Ngoài ra, còn có 22 bị cáo; 05 bị hại và 33 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ hoạt động thu chi tài chính và chi tiếp khách trái quy định từ nhiều năm, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C nợ tiền tiếp khách; nợ tạm ứng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C chi hoạt động thăm hỏi, chúc Tết Nguyên đán. Thời gian từ cuối năm 2019 và đầu năm 2020, Thường trực UBND huyện C tổ chức các cuộc họp với sự tham gia của: Ngô Hoàng H2, Vũ Minh T2, Nguyễn Hồng V1, Nguyễn Văn V2, Lê Quốc Đ, Nguyễn Tuấn M1 để bàn phương án tìm nguồn tiền trả nợ. Tại các cuộc họp, Ngô Hoàng H2 chỉ đạo chọn xã để yêu cầu thanh, quyết toán kinh phí gửi tiền về cho UBND huyện C sử dụng và giao cho Nguyễn Hồng V1 cùng Văn phòng Hội đồng nhân dân (HĐND) - UBND huyện C liên hệ chọn xã và tham mưu cho Thường trực UBND huyện. Sau các cuộc họp, V1 trực tiếp hoặc phân công Nguyễn Văn V2, Lê Quốc Đ, Nguyễn Tuấn M1 liên hệ Chủ tịch UBND các xã H, T, Hòa Bình, H để yêu cầu quyết toán lấy tiền gửi về UBND huyện chi trả nợ.

Thực hiện ý kiến của Thường trực UBND huyện C, các Chủ tịch UBND xã gồm: Lưu Văn K1 là Chủ tịch UBND xã H, Trần Hữu Đ1 là Chủ tịch UBND xã T, Nguyễn Thị Bích L là Chủ tịch UBND xã T, Đặng Thanh B là Chủ tịch UBND xã H, Bùi Minh T3 là Chủ tịch UBND xã H đã bàn bạc cùng các doanh nghiệp lập hồ sơ khống 13 công trình và giảm thi công một số hạng mục của 05 công trình đang thi công để quyết toán khống lấy tiền gửi cho UBND huyện, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

1. Liên quan đến sai phạm tại Ủy ban nhân dân xã H: Từ ngày 28/11/2016 đến 06/02/2018 UBND huyện C ứng tiền từ nguồn bảo hành công trình do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C làm chủ đầu tư với tổng số tiền là 1.132.700.000 đồng để chi cho hoạt động tiếp khách, thăm hỏi, chúc tết. Ngày 28/5/2018 ông Nguyễn Xuân T4 được bổ nhiệm làm giám đốc Ban quản lý dự án huyện C thay cho ông Nguyễn Văn T5, nhưng không thể tiến hành bàn giao do UBND huyện C còn nợ tiền tạm ứng. Do đó, ngày 28/02/2019 Nguyễn Văn V2 ký tờ trình và được Ngô Hoàng H2 phê duyệt để tạm ứng số tiền 1.337.000.000 đồng từ Phòng T24 huyện để nộp trả lại Ban quản lý dự án huyện C. Đến cuối năm 2019, Ngô Hoàng H2 tổ chức họp với các thành phần tham dự: Vũ Minh T2, Nguyễn Hồng V1, Nguyễn Văn V2 và Lê Quốc Đ. Tại cuộc họp H2 chỉ đạo giao cho Văn phòng HĐND - UBND huyện chọn xã nào có uy tín, đoàn kết nội bộ để yêu cầu thanh, quyết toán kinh phí lấy tiền gửi về cho huyện trả tiền tạm ứng cho phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Sau cuộc họp, Nguyễn Văn V2 liên hệ Đặng Thanh B là

Chủ tịch U để truyền đạt ý kiến của Thường trực UBND huyện và yêu cầu thanh, quyết toán số tiền 300.000.000 đồng để gửi về huyện. Sau đó B bàn bạc với Nguyễn Văn T5 - Phó giám đốc Công ty TNHH MTV X đang thi công công trình "sửa chữa cổng, hàng rào và sơn hàng rào Nhà lưu niệm Linh mục Võ Thành T6"; công trình "nâng cấp, cải tạo hội trường UBND xã H" do UBND xã H làm chủ đầu tư để giảm bớt một số hạng mục công trình rút tiền kinh phí xây dựng từ các công trình này gửi về cho UBND xã H sử dụng thì T5 đồng ý. Sau đó, T5 không thi công một số hạng mục của các công trình như: Không thay mới khung săt hàng rào nhà lưu niệm Linh mục Võ Thành T6 mà lấy khung sắt cũ rồi sơn và bê lại; không lát gạch mới Hội trường UBND xã H; không gắn lan can inox và không lát gạch lại trụ sở UBND xã H cùng một số hạng mục khác nhưng lập hồ sơ nghiệm thu để quyết toán kinh phí toàn bộ 03 công trình nêu trên. Trong đó Đặng Trương Minh T7 (Công ty TNHH T25), mặc dù không thực hiện việc giám sát công trình theo tiến độ thi công nhưng T7 vẫn làm thủ tục hồ sơ ký nhận chi phí giám sát. Sau đó, B phân công Dương Thị Thùy T8 (Kế toán UBND xã H) làm hồ sơ quyết toán 03 công trình nêu trên gửi Kho bạc huyện C (Kho bạc huyện) chi trả cho T5 hết số tiền theo dự toán là 1.489.676.135 đồng (trong đó kinh phí xây dựng thực tế chỉ có 737.035.000 đồng) gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 752.641.135 đồng (trong đó T7 nhận số tiền chi phí giám sát là 48.934.000 đồng, T5 nhận số tiền 703.707.135 đồng). Sau khi nhận số tiền quyết toán khống 703.707.135 đồng T5 giao cho V2 320.000.000 đồng và V2 đưa lại cho Nguyễn Thị Lệ T9 (thủ quỹ Văn phòng HĐND - UBND huyện) quản lý và sử dụng trả nợ cho Phòng T24 – Kế hoạch huyện. Riêng Nguyễn Văn T5 thu lợi bất chính số tiền không thực hiện thi công là 383.707.135 đồng.

Căn cứ các Báo cáo Kết luận giám định ngày 15/6/2023 của Trung tâm T26: Phần không thực hiện so với dự toán được phê duyệt gây thất thoát ngân sách Nhà nước đối với công trình: Sửa chữa cổng, hàng rào và sơn hàng rào Nhà lưu niệm Linh mục Võ Thành T6 là 237.999.771 đồng; công trình nâng cấp, cải tạo hội trường UBND xã H là 248.352.884 đồng; công trình nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã H là 217.354.480 đồng. Kết luận giám định số: 805/KLGĐ-STC ngày 14/7/2023 của Sở Tài chính tỉnh A đã xác định: Tổng số tiền sai phạm liên quan đến công trình sửa chữa cổng, hàng rào và sơn hàng rào Nhà lưu niệm Linh mục Võ Thành T6; công trình nâng cấp, cải tạo Hội trường UBND xã H; công trình nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã H là 752.641.135 đồng (trong đó, chi phí xây dựng 703.707.135 đồng, chi phí tư vấn giám sát 48.934.000 đồng).

2. Liên quan đến sai phạm tại Ủy ban nhân dân xã H: Khoảng tháng 10/2019 do tuyến đường K thuộc ấp A, xã H (nay là thị trấn H), huyện C, tỉnh An Giang bị hư hỏng, gây khó khăn cho việc đi lại của người dân, nên Bùi Minh T3 là Chủ tịch Ủy ban xã H làm tờ trình xin chủ trương của UBND huyện C để gia cố thi công lại tuyến đường này với chiều dài 42m thì được UBND huyện C chấp thuận với tổng kinh phí được phê duyệt là 408.953.000 đồng. T3 liên hệ với Trương Hiếu P1, Giám đốc Công ty TNHH MTV T27 khảo sát, tư vấn thiết kế - dự toán; Dương Minh T10 Giám đốc Công ty TNHH T28 hợp đồng Thẩm tra bản vẽ, thiết kế - dự toán; Huỳnh Văn H3 Giám đốc Công ty TNHH MTV H9 hợp đồng thi công xây dựng, sau đó H3 thuê người đến đóng cọc. Khoảng 10 ngày sau T3 xuống kiểm tra nhưng không thấy hàng cọc được đóng nên điện cho Nguyễn Văn V2 báo cáo sự

việc, V2 báo cho Ngô Hoàng H2 biết thì H2 chỉ đạo cho xã H quyết toán 100% khối lượng công trình và nộp số tiền dư cho UBND huyện. Bị cáo T3 liên hệ P1, H3 đến UBND xã H bàn về việc quyết toán khống 100% khối lượng công trình để chuyển tiền về cho UBND xã H quản lý thì H3, P1 đồng ý. T3 kêu Phạm Văn E là kế toán UBND xã H làm hồ sơ quyết toán giao cho T3, H3 ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, biên bản thanh lý hợp đồng 100% chi phí xây dựng. Sau đó, Kho bạc huyện C chuyển cho H3 378.470.000 đồng chi phí thi công, P1 nhận tiền chi phí khảo sát 10.985.000 đồng và chi phí thiết kế - lập dự toán 15.498.000 đồng; Dương Minh T10 nhận chi phí thẩm tra là 4.000.000 đồng; H3 giữ lại 78.470.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì đưa cho T3, T3 giao cho V2, V2 giao cho Nguyên Thị Lệ T11 (Kế toán) và T11 giao cho Trần Thị Kim P2 quản lý và số tiền này được UBND huyện C sử dụng đi chúc Tết Nguyên đán năm 2020.

Căn cứ Báo cáo Kết luận giám định ngày 15/6/2023 của Trung tâm T26, kết luận: Phần không thực hiện so với dự toán được phê duyệt gây thất thoát ngân sách Nhà nước đối với: Công trình: Gia cố sạt lở tuyến đê C thuộc ấp A, xã H là 314.517.000 đồng. Kết luận giám định số: 724/KLGĐ-STC ngày 26/6/2023 của Sở Tài chính tỉnh A, kết luận: Số tiền bị thất thoát từ ngân sách Nhà nước liên quan đến công trình: Gia cố sạt lở tuyến đê C thuộc ấp A, xã H là 408.953.000 đồng (trong đó: Chi phí xây dựng là 378.470.000 đồng; chi phí thiết kế - dự toán là 15.498.000; chi phí khảo sát là 10.985.000 đồng; chi phí thẩm tra là 4.000.000 đồng).

3. Liên quan đến sai phạm tại Ủy ban nhân dân xã H: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ngô Hoàng H2 tại cuộc họp Thường trực UBND huyện C năm 2020, bàn việc tìm nguồn kinh phí để trả nợ cho Lê Văn D (chủ quán Út L1) và Nguyễn Tuyết P3 (cán bộ Công an huyện). Nguyên Văn V3 đã liên hệ với Lưu Văn K1 (Chủ tịch UBND xã H) truyền đạt ý kiến của Thường trực UBND huyện yêu cầu quyết toán gửi tiền cho UBND huyện để trả nợ tiền tiếp khách của UBND huyện. Bị cáo K1 biết việc này là phải quyết toán khống mới có tiền gửi về cho huyện và đồng ý thực hiện. Sau đó K1 bàn bạc với Nguyễn Thùy T là Kế toán UBND xã H để làm hồ sơ quyết toán khống công trình để lấy tiền gửi về cho UBND huyện khoảng 500.000.000 đồng. T đề xuất và K1 đồng ý chọn công trình bê tông đoạn đường ngọn Trường T12 và công trình bê tông đoạn đường ngọn Xẻo Điều (là những công trình đã được thực hiện xong từ nguồn vốn do nhân dân đóng góp trên địa bàn xã H) để lập hồ sơ quyết toán khống. Sau đó, T làm 02 văn bản đề nghị xin chủ trương của UBND huyện để thực hiện 02 công trình này rồi trình K1 ký và T liên hệ Trương Hiếu P1 là Giám đốc Công ty TNHH MTV T28 để lập thiết kế - dự toán và gặp Nguyễn Thành P4 là Giám đốc Công ty TNHH MTV X1 đứng tên đơn vị thi công; Dương Minh T10 (Giám đốc Công ty TNHH T28) làm đơn vị tư vấn thẩm tra và giám sát để làm khống hồ sơ thiết kế - dự toán và thẩm tra 02 công trình với tổng số tiền là 669.428.000 đồng. Sau khi có bộ hồ sơ thiết kế và thẩm định, T gửi hồ sơ đến UBND huyện C, Vũ Minh T2 ban hành văn bản chấp thuận chủ trương. Khôn ký Văn bản gửi kèm hồ sơ và Văn bản chấp hành chủ trương của UBND huyện C đến Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện C yêu cầu thẩm định hồ sơ.

Sau khi nhận hồ sơ, P6 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ nhưng ký báo cáo kết quả thẩm định thiết kế - dự toán và tờ trình về việc phê duyệt báo cáo kết

quả thẩm định thiết kế - dự toán gửi UBND huyện và UBND xã H. Trên thực tế các công trình này đã được nhân dân xây dựng xong bằng nguồn vốn xã hội hóa. Khi nhận được hồ sơ do UBND xã H gửi, Nguyễn Thị Diễm T13 -Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện C và Nguyễn Thị T14 - Phó Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định hồ sơ xác định cấp kinh phí từ nguồn tiền cho thuê 02 khu đất bến xe thị trấn C và thị trấn M nhưng T13, T14 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và ra văn bản gửi Kho bạc huyện đề nghị hạch toán chi ngân sách cấp huyện. Kho bạc huyện C chuyển vào tài khoản của xã H số tiền 669.428.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, T đưa cho Dương Minh T10 nhận 23.573.000 đồng; Trương Hiếu P1 nhận 38.917.000 đồng; Nguyễn Thành P4 nhận 69.191.100 đồng, T giữ lại 37.746.900 đồng. T giao cho UBND huyện C thông qua Lê Quốc Đ nhận số tiền 500.000.000 đồng. Điền đưa cho Nguyễn Thị H4 (cán bộ Văn phòng HĐND - UBND huyện) quản lý sử dụng trả nợ cho Lê Văn D 200.000.000 đồng; trả cho Nguyễn Tuyết P3 200.000.000 đồng; Đ đưa cho H2 50.000.000 đồng đi công tác; trả tiền mượn Đ trước đó 20.000.000 đồng; đưa lại cho UBND xã H 30.000.000 đồng. Trong số tiền 30.000.000 đồng do UBND huyện C cho lại UBND xã H thì K1 được hưởng 10.000.000 đồng, T được hưởng 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng chi vào hoạt động chung của xã H.

Đến cuối năm 2020, Ngô Hoàng H2 tổ chức cuộc họp thường trực UBND huyện C gồm Ngô Hoàng H2, Vũ Minh T2, Nguyễn Hồng V1, Lê Quốc Đ, Nguyễn Tuấn M1 (Phó Chánh văn phòng HĐND - UBND) bàn bạc tìm nguồn kinh phí để chúc Tết Nguyên đán năm 2021, thống nhất chọn xã H để quyết toán tiền gửi về cho UBND huyện C đi chúc tết. Sau đó, Đ liên hệ với Lưu Văn K1 thì K1 đồng ý và bàn bạc với Nguyễn Thùy T làm hồ sơ quyết toán khống lấy tiền gửi cho UBND huyện khoảng 500.000.000 đồng. T đề xuất quyết toán khống công trình bê tông đoạn tuyến đường rạch Ngã H5 (là công trình đã, được thực hiện xong từ nguồn vốn do Nhân dân đóng góp trên địa bàn xã H) và làm đề nghị trình Khôn ký xin chủ trương của UBND huyện thực hiện công trình này. Song song đó, T liên hệ với Trương Hiếu P1, Nguyên Thành P5, Dương Minh T10 làm khống hồ sơ thiết kế - dự toán, thẩm tra với tổng số tiền là 745.740.000 đồng và gửi hồ sơ đến Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện thẩm định. Lăng Thanh P6 phân công Nguyễn Vĩnh T15 (cán bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện) nghiên cứu hồ sơ, tham mưu và trình P6 ký Tờ trình về việc phê duyệt báo cáo thiết kế - dự toán xây dựng, nhưng P6 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, đã ký báo cáo kết quả thẩm định thiết kế - dự toán và tờ trình về việc phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định thiết kế - dự toán gửi UBND huyện và UBND xã H, trong khi các công trình này đã được xây dựng xong bằng nguồn vốn do Nhân dân đóng góp. Nguyễn Hồng V1 ban hành quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế phê duyệt thiết kế - dự toán đầu tư xây dựng công trình. Sau khi nhận được quyết định phê duyệt của V1, K1 ký văn bản gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện yêu cầu thẩm định bổ sung dự toán, kinh phí cấp cho công trình. Nguyễn Thị Diễm T13 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ nhưng ký tờ trình đề nghị bổ sung kinh phí xây dựng và ký văn bản gửi Kho bạc huyện đề nghị hạch toán chi ngân sách cấp huyện. Đến ngày 27/01/2021, T đem bộ hồ sơ đã được K1 và P5 ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình lên Kho bạc huyện để thực hiện chuyển vào tài khoản của xã H số tiền 745.740.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, T gửi về cho UBND huyện C 500.000.000 đồng thông qua Lê Quốc Đ, số tiền này được UBND huyện chi chúc Tết nguyên đán năm 2021 là 470.000.000 đồng, gửi lại cho UBND xã H 30.000.000 đồng. T giao cho Nguyễn Thành P4 63.000.000 đồng; Dương Minh T10 nhận 25.240.000 đồng; Trương Hiếu P1 nhận 57.346.000 đồng; T giữ lại số tiền 100.154.000 đồng sử dụng cá nhân. Riêng số tiền 30.000.000 đồng UBND huyện C cho lại UBND xã H thì K1 được hưởng 10.000.000 đồng, T được hưởng 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng chi vào hoạt động của xã H.

Như vậy Lưu Văn K1, Nguyễn Thùy T, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Nguyễn Thành P4 đã lập hồ sơ quyết toán khống 03 công trình bê tông đoạn đường ngọn Trường T12, ngọn Xẻo Điều và rạch Ngã Hàng đã gây thiệt hại tài sản Nhà nước với tổng số tiền là 1.415.168.000 đồng.

Kết luận giám định tư pháp xây dựng số: 309A/ACCI/BCGĐ-TH ngày 12/12/2022 của Trung tâm T26: Công trình bê tông đoạn đường ngọn Trường T12: Là chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công; kết quả thẩm định thiết kế - dự toán ngày 26/8/2020, trong khi phê duyệt thiết kế - dự toán ngày 24/8/2020 là chưa phù hợp về thời gian. Công trình bê tông đoạn đường ngọn Xẻo Điều và rạch Ngã Hàng thiếu các bước: Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; phê duyệt chủ trương đầu tư là chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công. Công văn số: 3357/SKHĐT-ĐT ngày 16/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A về việc ý kiến 03 hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông liên quan đến công trình: Bê tông đoạn đường ngọn Trường T12, ngọn Xẻo Điều và rạch Ngã Hàng như sau: Công trình bê tông đoạn tuyến đường rạch Ngã Hàng: Dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật đầu tư công 2019; chủ đầu tư không công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Tại Kết luận giám định ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh A xác định số tiền đã thanh toán khống cho 03 công trình: Bê tông đoạn đường ngọn Trường T12, Xẻo Điều và rạch Ngã Hàng tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang là 1.415.168.000 đồng.

4. Liên quan đến sai phạm tại Ủy ban nhân dân xã T:

4.1 Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ngô Hoàng H2 tại cuộc họp Thường trực UBND huyện C năm 2020, bàn việc tìm nguồn kinh phí để trả nợ tiền tiếp khách và tiền đi chúc tết. Nguyễn Văn V2 liên hệ với Trần Hữu Đ1 là chủ tịch UBND xã T yêu cầu xã quyết toán gửi tiền lên cho UBND huyện. Đ1 bàn bạc và chỉ đạo Phan Thái T16 là Kế toán UBND xã T làm khống hồ sơ quyết toán đối với 05 Công trình: Rải đá đường kênh Xáng mới; rải đá đường kênh B; gia cố đường liên xã Ấ; bê tông đường nhánh Quỹ tín dụng ấp T; bê tông cầu K, ấp T để lấy tiền gửi cho UBND huyện thì T16 đồng ý. Sau đó Đ1 ban hành văn bản đề nghị xin chủ trương và cấp kinh phí để thực hiện, do biết trước việc xã lập hồ sơ khống để quyết toán nên Vũ Minh T2 ký văn bản chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí. T16 nhờ Huỳnh Thị T17 lập khống bộ hồ sơ quyết toán gồm: soạn thảo các hợp đồng quyết toán mua vật liệu xây dựng; biên bản nghiệm thu hợp đồng giao khoán; bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; biên bản thanh lý hợp đồng và thỏa thuận đưa cho Huỳnh K2 (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Huỳnh K2) ký và xuất

khống 05 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền mua bán vật tư là 551.363.000 đồng. Sau đó, T16 đem toàn bộ hồ sơ chứng từ khống gửi đến Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để thẩm định thì Nguyễn Thị Diễm T13, Nguyễn Thị T14 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. T13 ký Tờ trình đề nghị bổ sung kinh phí xây dựng gửi UBND huyện về việc thống nhất chủ trương cấp kinh phí thực hiện các công trình này từ nguồn cho thuê 02 khu đất bến xe thị trấn C và thị trấn M, Nguyễn Thị T14 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. T13 ký tờ trình đề nghị bổ sung kinh phí xây dựng gửi UBND huyện về việc thống nhất chủ trương cấp kinh phí xây dựng gửi UBND huyện về việc thống nhất chủ trương cho Nguyễn Trung T18 là cán bộ văn phòng UBND xã T ký rồi T16 đem toàn bộ hồ sơ thanh toán lên nộp vào Kho bạc huyện C. Kho bạc đã quyết toán và chuyển số tiền này vào tài khoản của Huỳnh K2, K2 rút tiền đưa lại cho T17 529.308.480 đồng. Khải giữ lại số tiền 22.054.520 đồng (trong đó K2 đóng thuế 8.270.445 đồng, được hưởng từ việc ký chứng từ khống và xuất hóa đơn là 13.784.075 đồng). Huỳnh Thị T17 tự lấy tiền công làm hồ sơ và chi phí đi lại là 14.308.480 đồng, còn lại 515.000.000 đồng giao lại cho T16. Sau đó T16 cùng Đ1 đem tiền lên UBND huyện giao cho Đ và Đ kêu Nguyễn Thị Lệ T9 (kế toán) nhận. Số tiền này, Đ chỉ đạo trả nợ cho Nguyễn Tuyết P3 50.000.000 đồng, còn lại 465.000.000 đồng UBND huyện C sử dụng chi chúc Tết Nguyên đán năm 2021 (trao quà cho Cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu; hỗ trợ bệnh nhân nghèo; hỗ trợ lại cho 18 xã, thị trấn...). Kết luận giám định số 473/KLGĐ-STC ngày 09/5/2023 của Sở Tài chính tỉnh A: Tổng số tiền đã thanh toán khống 5 công trình rải đá đường kênh Xáng Mới; đường K ấp T; bê tông cầu K; bê tông đường nhánh Quỹ Tín dụng ấp T; gia cố đường liên ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang là 551.363.000 đồng.

4.2 Đầu năm 2021, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ngô Hoàng H2 thông qua Lê Quốc Đ, Nguyễn Hồng V1 kêu Nguyễn Tuấn M1 (Phó chánh văn phòng HĐND - UBND huyện) mời Chủ tịch UBND các xã: T, A, H, Long Điền B, L, L, Hòa Bình và Kiến T19 để họp bàn tìm kinh phí hỗ trợ tiền tiếp Lữ Đoàn 962 và Kiến T19 để họp bàn tìm kinh phí hỗ trợ tiền tiếp Lữ đoàn 962 và Kiểm toán Nhà nước Khu vực 9. Sau đó M1 liên lạc với Nguyễn Thị Bích L là Chủ tịch UBND xã T, Nguyễn Văn Bé H6 là Chủ tịch UBND xã A, Lưu Văn K1 là Chủ tịch UBND xã H, Phan Thành L2 là Chủ tịch UBND xã L B, Bùi Minh T3 là Chủ tịch UBND xã H, Nguyễn Văn H7 là Chủ tịch UBND xã L, Đặng Thanh B là Chủ tịch UBND xã H, Dương Mai Thanh S là Chủ tịch UBND xã K đến phòng làm việc của Viễn tại trụ sở UBND huyện C, tại đây Viễn yêu cầu mỗi xã hỗ trợ cho UBND huyện C 200.000.000 đồng và các xã tự tính toán khi thiếu tiền thì đề nghị huyện bổ sung kinh phí.

Sau đó, L bàn bạc với Phan Thái T16 là kế toán UBND xã T làm hồ sơ quyết toán khống lấy tiền từ ngân sách Nhà nước gửi cho UBND huyện và cả hai thống nhất lập hồ sơ quyết toán các công trình: Rải đá đường cộ nội đồng kênh T, ấp T; rải đường mương Ông T20, ấp T; rải đá đường cộ nội đồng cặp tuyến dân cư T; bê tông đường nhánh tổ B, tổ D ấp T xã T. T16 nhờ Huỳnh Thị T17 lập hồ sơ quyết toán gồm: Soạn thảo các hợp đồng quyết toán mua vật liệu xây dựng; biên bản nghiệm thu hợp đồng giao khoán; bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; biên bản thanh lý hợp đồng rồi liên hệ Huỳnh K2 thỏa thuận ký các hợp đồng mua bán vật tư và xuất khống 05 hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền

337.650.000 đồng. Sau đó mang về huyện phê duyệt. Nguyễn Tuấn M1 ký nháy vào các văn bản và trình V1 ký phê duyệt chủ trương cấp kinh phí xây dựng rồi chuyển hồ sơ sang Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Nguyễn Thị Diễm T13 ban hành công văn đề nghị Kho bạc huyện hạch toán chi ngân sách huyện cấp số tiền 337.650.000 đồng vào tài khoản của Huỳnh Khải . Sau đó T17 đến gặp Huỳnh Khải N 324.144.000 đồng. Khải giữ lại số tiền 13.506.000 đồng (trong đó K2 đóng thuế 5.064.750 đồng và K2 hưởng lợi 12.185.200 đồng), T17 tự lấy số tiền 20.000.000 đồng, T16 nhận 304.144.000 đồng đưa cho L 200.000.000 đồng đem đến UBND huyện C đưa cho Nguyễn Tuấn M1 và M1 kêu Nguyễn Thị Lệ T9 (Kế toán) nhận. Số tiền còn lại 104.144.000 đồng, L kêu T16 xuất ngân sách xã thêm 2.411.000 đồng, tổng cộng là 106.555.000 đồng để thực hiện rải đá các công trình: Đường mương Ông T20 ấp T; đường cộ nội đồng cặp tuyến dân cư ấp T; bê tông đường nhánh tổ B, tổ D ấp T.

Khoảng hơn 01 tháng sau, L biết được việc làm khống hồ sơ lấy tiền đưa cho UBND huyện bị phát hiện nên đã liên hệ với M1 lấy lại số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện việc rải đá, bê tông các tuyến đường theo chủ trương ban đầu nhằm tránh sự phát hiện. L kêu T16 liên hệ M1 nhận lại 200.000.000 đồng, T17 trả lại 20.000.000 đồng, L chỉ đạo sử dụng số tiền 220.000.000 đồng này rải đá các công trình đã được phê duyệt và chưa được phê duyệt với tổng số tiền 219.320.000 đồng.

Căn cứ Báo cáo Kết luận giám định ngày 12/10/2023 của Trung tâm T26: Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của các công trình xây dựng gồm: Rải đá đường cộ nội đồng kênh T ấp T, đường mương Ông T20 ấp T; đường cộ nội đồng cập tuyến dân cư ấp T; bê tông đường nhánh tổ B, tổ D ấp T, xã T thiếu các bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; phê duyệt chủ trương đầu tư là chưa tuân thủ đúng với quy định của Luật Đầu tư công;Việc thực hiện giai đoạn kết thúc xây dựng (quyết toán hợp đồng xây dựng, quyết toán dự án hoàn thành, xác nhận hoàn thành công trình) mà không có các giai đoạn chuẩn bị dự án và thực hiện dự án là không phù hợp với quy định của pháp luật; Các công việc do L chỉ đạo thực hiện mang tính chất đối phó với các cơ quan pháp luật nên thiếu hoàn toàn và không tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, về quản lý tài chính ngân sách của Nhà nước. Việc khắc phục các tuyến đường bê tông về chất lượng và khối lượng là tương đối phù hợp với số liệu xin vốn cho đầu tư; các tuyến đường rải đá thì không đủ cơ sở giám định, đánh giá.

Tại Kết luận giám định số: 1162/KLGĐ-STC ngày 19/10/2023 của Sở Tài chính tỉnh A đã kết luận: Tổng số tiền sai phạm liên quan đến các công trình: Rải đá đường C ấp T; rải đá đường mương Ông T20 ấp T; rải đá đường cộ nội đồng cập tuyến dân cư ấp T; bê tông đường nhánh tổ B, tổ D ấp T, xã T là 337.650.000 đồng.

4.3. Ngoài việc lập hồ sơ quyết toán khống công trình lấy tiền từ ngân sách Nhà nước đưa lên huyện theo sự chỉ đạo của Thường trực UBND huyện như nêu trên, lãnh đạo UBND xã T còn thực hiện các hành vi sai phạm khác như: Vào năm 2018, để phục vụ cho việc xét công nhận xã T đạt chuẩn nông thôn mới, UBND huyện C đã giao UBND xã làm chủ đầu tư xây dựng chợ T29 với nguồn kinh phí 511.987.000 đồng. Khi tiến hành thi công thì phát sinh việc mở rộng mái che hai bên hông chợ diện tích 416m^2, Huỳnh Cẩm G (Chủ tịch UBND xã T) chỉ đạo đơn vị thi công là Công ty TNHH T30 do Đặng Trương Minh T7 làm giám đốc thực

hiện việc xây dựng mái che diện tích 416m^2 và UBND xã T nợ lại công ty kinh phí phát sinh, nhưng UBND xã T và đơn vị thi công không lập biên bản xử lý kỹ thuật phát sinh tăng, giảm; không báo cáo các cơ quan chuyên môn và không có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền. Đến tháng 6/2019, Huỳnh Cẩm G về nhận nhiệm vụ Chủ tịch UBND xã N và Trần Hữu Đ1 được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã T, khi chuyển công tác thì G có nhờ Đ1 trả nợ phần xây dựng 416m^2 mái che thì Đ1 đồng ý.

Để đảm bảo điều kiện xét xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, ngày 28/10/2020, UBND xã T có Tờ trình số 339/TTr-UBND xin cải tạo nâng cấp sân nền nhà lồng chợ khu vực bán cá, thịt, rau quả, hàng bông chợ T29. Quá trình khảo sát, để ký các hợp đồng thiết kế, thi công xây dựng thì Trần Hữu Đ1 bàn bạc với Đặng Trương Minh T7, Nguyễn Thanh T21, Dương Minh T10, Nguyễn Duy L3 đưa vào hồ sơ thiết kế dự toán kinh phí 02 mái che bên hông chợ 416m^2 (đã xây dựng xong năm 2018) để quyết toán lấy tiền trả nợ cho T10, T7, nên tổng số tiền dự toán kinh phí nâng cấp sân nền nhà lồng chợ và 02 mái che bên hông chợ sau khi thẩm tra là 1.083.794.000 đồng. Sau đó, UBND xã T gửi hồ sơ thiết kế và dự toán đến Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện thẩm định. Lăng Thanh P6 phân công cán bộ Nguyễn Vĩnh T15 nghiên cứu hồ sơ, thẩm định trình P6 ký báo cáo thẩm định thiết kế - dự toán tổng số tiền 1.043.512.000 đồng đối với toàn bộ chi phí xây dựng của công trình, nhưng P6 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đã tính sai số học thi công, lắp đặt ống nhựa P7 phi 90 chênh lệch 4.455 mét. Sau đó, Nguyễn Thị Diễm T13 không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ nhưng vẫn thẩm định điều chỉnh cấp kinh phí bổ sung xây dựng công trình với số tiền 952.086.000 đồng được Nguyễn Hồng V1 ký phê duyệt bổ sung kinh phí công trình để thực hiện.

Đến tháng 01/2021, Đ1 kêu Phan Thái T16 làm hồ sơ quyết toán, thanh toán toàn bộ số tiền theo dự toán thẩm định là 952.086.000 đồng cho Nguyên Thanh T22, đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền là 463.168.874 đồng đối với các khoản gồm: Dự toán được duyệt tính sai số học thi công lắp đặt ống nhựa P7 phi 90 là 143.025.127 đồng nhưng thực tế chỉ thi công lắp đặt ống nhựa P7 phi 90 là 45 mét nhưng quyết toán theo dự toán tính sai là 4.500 mét, chênh lệch 4.455 mét, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 143.025.127 đồng; chi phí thi công 02 mái che bên hông nhà lồng chợ T29 đã được xây dựng xong năm 2018 là 235.050.554 đồng (nhưng kinh phí phát sinh thực tế của 02 mái che so với kinh phí xây dựng chợ T29 năm 2018 chỉ là 22.602.446 đồng, nhưng quyết toán số tiền 257.653.000 đồng), và sử dụng vật liệu xây dựng không đúng theo thiết kế gây thiệt hại là 85.093.193 đồng. Sau khi trừ chi phí vật tư, nhân công số tiền còn lại 400.687.127 đồng thì T22, T7 chia đều cho nhau. Trong công trình này, Đặng Trương Minh T7 còn nhận số tiền chi phí giám sát là 27.711.000 đồng.

Căn cứ Báo cáo Kết luận giám định ngày 15/6/2023 của Trung tâm T26 đã xác định: Công trình nâng cấp chợ T29 xã T năm 2018: Đối với phần chi phí xây dựng theo thiết kế và thực tế thực hiện (đã tính luôn phần mái che): Giá trị thẩm định của ACCI (phần thực tế đã thực hiện) tăng 22.602.446 đồng so với giá trị thẩm định của Phòng KTHT; Công trình xây dựng mái che, cải tạo nâng cấp sân nền nhà lồng chợ khu vực bán cá, thịt, rau quả, hàng bông chợ T29, xã T năm 2020: Đối với phần chi phí xây dựng theo thiết kế và thực tế thực hiện: Giá trị thẩm định

của ACCI (phần thực tế đã thực hiện) giảm 485.771.320 đồng so với giá trị thẩm định của Phòng KTHT.

Tại Kết luận giám định số: 878/KLGĐ-STC ngày 07/8/2023 của Sở Tài chính tỉnh A đã kết luận: Tổng số tiền sai phạm liên quan đến công trình nâng cấp chợ T29, xã T là 513.482.320 đồng (trong đó: chi phí xây dựng 485.771.320 đồng, chi phí tư vấn giám sát 27.711.000 đồng); Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện C thẩm định chi phí xây dựng cao hơn 170.815.623 đồng (843.583.430 đồng - 672.767.807 đồng = 170.815.623 đồng) so với kết quả thẩm tra của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh A. Trách nhiệm thuộc về Nguyễn Hồng V1, Trần Hữu Đ1, Phan Thái T16, Lăng Thanh P6, Nguyễn Thanh T21, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7, Trương Hiếu P1.

4.4 Ngoài ra, UBND xã T có mua vật liệu xây dựng, hàng hóa của Cửa hàng vật liệu xây dựng Trúc L4 do Phan Thị Trúc L4 làm chủ để thực hiện 17 công trình nâng cấp, sửa chữa hoặc rải đá một số tuyến đường nội bộ xã. Để có chứng từ quyết toán nên Phan Thái T16 nhờ Huỳnh Thị T17 liên hệ Huỳnh Khải lập hợp đồng giao khoán, bàn giao nghiệm thu công trình và K2 đã xuất bản trái phép 17 hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa kèm theo với số tiền 487.408.000 đồng, K2 giữ lại 19.496.320 đồng (trong đó đã đóng thuế 1,5% là 7.311.120 đồng, hưởng lợi 12.185.200 đồng).

Ngày 16/02/2023, 22/5/2023, 04/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố vụ án, bị can đối với Ngô Hoàng H8, Vũ Minh T2, Nguyễn Hồng V1, Lưu Văn K1, Lê Quốc Đ, Nguyễn Thùy T, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Nguyễn Thành P4, Trần Hữu Đ1, Phan Thái T16, Bùi Minh T3, Đặng Thanh B, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Văn T5, Huỳnh K2, Huỳnh Thị T17, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Thị Bích L, Đặng Trương Minh T7, Lăng Thanh P6, Nguyễn Tuấn M1, Nguyễn Thị Diễm T13, Nguyễn Thị T14 để điều tra.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Hồng V1, Vũ Minh T2, Lê Quốc Đ, Trần Hữu Đ1, Lưu Văn K1, Nguyễn Thùy T, Nguyễn Thành P4, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7, Đặng Thanh B, Nguyễn Văn T5, Phan Thái T16, Bùi Minh T3, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Tuấn M1, Nguyễn Thị Diễm T13, Lăng Thanh P6, Nguyễn Thị T14, Huỳnh Thị T17, Huỳnh K2 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với kết luận giám định, các tài liệu, các lời khai của đại diện cơ quan bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm tài liệu liên quan đến hồ sơ các công trình, các sổ sách ghi chép liên quan đến sai phạm và số tiền do các bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả gồm: Vũ Minh T2 nộp 145.000.000 đồng, Nguyễn Hồng V1 nộp 50.000.000 đồng, Lê Quốc Đ nộp 495.000.000 đồng, Lưu Văn K1 nộp 30.000.000 đồng, Đặng Thanh B nộp 124.413.000 đồng, Trần Hữu Đ1 nộp 500.000.000 đồng, Bùi Minh T3 nộp 200.000.000 đồng, Nguyễn Thị Bích L nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thùy T nộp 235.092.000 đồng, Phan Thái T16 nộp 20.000.000 đồng, Trương Hiếu P1 nộp 122.773.000 đồng, Dương Minh T10 nộp 48.813.000 đồng, Nguyễn Thành P4 nộp 65.000.000 đồng, Nguyễn Thanh T21 nộp 143.026.000 đồng, Đặng Trương Minh T7 nộp 76.645.000 đồng, Nguyễn Văn T5 nộp 479.295.000 đồng, Huỳnh Văn H3 nộp 78.470.000 đồng, Huỳnh Thị T17 nộp 14.310.000 đồng, Huỳnh K2 nộp

34.420.200 đồng, Nguyễn Tuấn M1 nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị T14 nộp 10.000.000 đồng, Lăng Thanh P6 nộp 10.000.000 đồng và Ngô Hoàng H2 (đã chết) nộp 250.000.000 đồng, Nguyễn Văn V2 (đã chết) nộp 200.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 3.352.257.200 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả. Đại diện các cơ quan bị hại yêu cầu được nhận lại số tiền do các bị cáo đã giao nộp khắc phục hậu quả để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại Bản Cáo trạng số: 57/CT-VKSAG-P1 ngày 30/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố: Vũ Minh T2, Nguyễn Hồng V1, Lê Quốc Đ, Trần Hữu Đ1, Lưu Văn K1, Nguyễn Thùy T, Nguyễn Thành P4, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7 về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Đặng Thanh B, Nguyễn Văn T5, Phan Thái T16 về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Bùi Minh T3, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Tuấn M1 về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thị Diễm T13, Lăng Thanh P6 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thị T14 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Huỳnh Thị T17, Huỳnh K2 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thùy T phạm tội "Tham ô tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thùy T 07 (bảy) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/02/2023.

Áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Cấm bị cáo Nguyễn Thùy T đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến lĩnh vực vi phạm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hồng V1, Vũ Minh T2, Lê Quốc Đ, Lưu Văn K1, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Thành P4, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7, Đặng Thanh B, Nguyễn Văn T5, Phan Thái T16, Bùi Minh T3, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Tuấn M1, Lăng Thanh P6, Nguyễn Thị Diễm T13, Nguyễn Thị T14, Huỳnh K2, Huỳnh Thị T17; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/7/2024, bị cáo Nguyễn Thùy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thùy T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như Bản án sơ thẩm đã xử. Nhưng do gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, con còn nhỏ nên bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về sum họp gia đình, nuôi dạy con còn nhỏ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có nộp thêm tình tiết giảm nhẹ mới như cha bị cáo có tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 được tặng thưởng giấy khen; tại địa phương bị cáo có tham gia tốt phong trào thiện nguyện, an sinh xã hội, bà cố ngoại Võ Thị N1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

- Bị hại UBND xã H có ông Phương Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND xã H làm đại diện có ý kiến: Trong quá trình công tác bị cáo T luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả; bị cáo tích cực tham gia các phong trào an sinh xã hội tại địa phương, hiện tại gia đình bị cáo rất khó khăn. Nên đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Xét thấy Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thùy T phạm tội *"Tham ô tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt bị cáo với mức hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét và đại diện cơ quan bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về sum họp gia đình, nuôi dạy con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thùy T đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thùy T phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản tạm giữ tang vật, Kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ngô Hoàng H2 tại cuộc họp Thường trực UBND huyện C tìm nguồn kinh phí để trả nợ tiền tiếp khách của UBND huyện. Nguyễn Văn V2 đã liên hệ với Lưu Văn K1 là Chủ tịch UBND xã H yêu cầu quyết toán gửi tiền cho UBND huyện C để trả nợ.

Lưu Văn K1 biết phải quyết toán khống mới có tiền gửi về cho UBND huyện nhưng K1 đồng ý thực hiện. Sau đó K1 bàn bạc với Nguyễn Thùy T là kế toán UBND xã H làm hồ sơ quyết toán khống công trình để lấy tiền gửi về cho UBND

huyện. Bị cáo T đề xuất chọn công trình bê tông đoạn đường ngọn Trường T12 và công trình bê tông đoạn đường ngọn Xẻo Điều là những công trình đã được thực hiện xong từ nguồn vốn do nhân dân đóng góp trên địa bàn xã H, để làm hồ sơ khống với tổng số tiền là 669.428.000 đồng quyết toán. Sau khi Kho bạc huyện C chuyển tiền vào tài khoản của xã H số tiền 669.428.000 đồng, T đưa cho Dương Minh T10 23.573.000 đồng; Trương Hiếu P1 nhận 38.917.000 đồng; Nguyễn Thành P4 nhận 69.191.100 đồng, T giữ lại 37.746.900 đồng. T giao cho UBND huyện C thông qua Lê Quốc Đ nhận số tiền 500.000.000 đồng; UBND huyện C đưa lại cho UBND xã H 30.000.000 đồng. Trong số tiền 30.000.000 đồng do UBND huyện C cho lại UBND xã H thì K1 được hưởng 10.000.000 đồng, T được hưởng 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng chi vào hoạt động chung của xã H.

Đến cuối năm 2020, Ngô Hoàng H2 tiếp tục tổ chức họp thường trực UBND huyện C bàn bạc tìm nguồn kinh phí để chúc Tết Nguyên đán năm 2021 và thống nhất chọn xã H để quyết toán tiền gửi về cho UBND huyện C đi chúc tết. Sau đó, Đ liên hệ với K1 thì K1 đồng ý và bàn bạc với T làm hồ sơ quyết toán khống lấy tiền gửi cho UBND huyện. T đề xuất quyết toán khống công trình bê tông đoạn tuyến đường rạch Ngã Hàng là công trình đã được thực hiện xong từ nguồn vốn do Nhân dân đóng góp trên địa bàn xã H với số tiền 745.740.000 đồng. Sau khi Kho bạc huyện C chuyển vào tài khoản của xã H số tiền 745.740.000 đồng, T gửi về cho UBND huyện C 500.000.000 đồng thông qua Lê Quốc Đ, số tiền này được UBND huyện chi chúc Tết nguyên đán năm 2021 là 470.000.000 đồng, gửi lại cho UBND xã H 30.000.000 đồng. T giao cho Nguyễn Thành P4 63.000.000 đồng; Dương Minh T10 nhận 25.240.000 đồng; Trương Hiếu P1 nhận 57.346.000 đồng; T giữ lại số tiền 100.154.000 đồng sử dụng cá nhân. Riêng số tiền 30.000.000 đồng UBND huyện C cho lại UBND xã H thì K1 được hưởng 10.000.000 đồng, T được hưởng 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng chi vào hoạt động của xã H.

Nguyễn Thùy T đã giúp Lê Văn K3 lập hồ sơ khống để quyết toán 03 công trình bê tông đoạn đường ngọn Trường T12, ngọn Xẻo Điều và rạch Ngã Hàng đã gây thiệt hại tài sản Nhà nước với tổng số tiền là 1.415.168.000 đồng theo Kết luận giám định ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh A.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Thùy T phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước nên cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Thúy T23 phạm tội với vai trò đồng phạm, bị cáo thực hiện tội phạm do lệ thuộc, phục tùng ý kiến chỉ đạo của cấp trên nên phải làm theo. Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có có trách nhiệm trong quá trình điều tra giải quyết vụ án; bị cáo đã thành khẩn khai báo và chủ động nộp lại tài sản chiếm đoạt để khắc phục hậu quả.

Do đó, Bản án sơ thẩm áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt theo nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, quy định tại

Điều 5 của Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật quy định là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới như cha bị cáo được thưởng giấy khen trong công cuộc bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau 30/4/1975; bản thân bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen trong công tác, tại địa phương, bị cáo tích cực tham gia phong trào an sinh xã hội xây dựng nhà đại đoàn kết; hiện tại bị cáo có hoàn cảnh khó khăn phải nuôi con còn nhỏ. Người đại diện của cơ quan bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của người bào chữa chỉ định cho bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Thùy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hồng V1, Vũ Minh T2, Lê Quốc Đ, Lưu Văn K1, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Thành P4, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7, Đặng Thanh B, Nguyễn Văn T5, Phan Thái T16, Bùi Minh T3, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Tuấn M1, Lăng Thanh P6, Nguyễn Thị Diễm T13, Nguyễn Thị T14, Huỳnh K2, Huỳnh Thị T17; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thùy T xin giảm nhẹ hình phạt.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thùy T:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thùy T phạm tội "Tham ô tài sản*"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy T 06 (sáu) năm tù về tội "Tham ô tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/02/2023.

3. Bị cáo Nguyễn Thùy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hồng V1, Vũ Minh T2, Lê Quốc Đ, Lưu Văn K1, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Thành P4, Trương Hiếu P1, Dương Minh T10, Đặng Trương Minh T7, Đặng Thanh B, Nguyễn Văn T5, Phan Thái T16, Bùi Minh T3, Huỳnh Văn H3, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thanh T21, Nguyễn Tuấn M1, Lăng Thanh P6, Nguyễn Thị Diễm T13, Nguyễn Thị T14, Huỳnh K2, Huỳnh Thị T17; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)